



**SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE**

**VIMĀNAVATTHUPĀḶI**

**&**

**CHUYỆN THIÊN CUNG**

## 5. 12.

977. Ko nu dibbena yānena sabbasetena hatthinā,  
turiyatāḷitanigghoso antaḷikkhe<sup>1</sup> mahīyati.<sup>2</sup>

978. Devatā nusi gandhabbo ādu<sup>3</sup> sakko purindado,  
ajānantā taṃ pucchāma kathaṃ jānemu taṃ mayan 'ti.

979. Namhi devo na gandhabbo nāpi sakko purindado,  
sudhammā nāma ye devā tesaṃ aññataro ahan 'ti.

980. Pucchāma devaṃ sudhammaṃ<sup>4</sup> puthuṃ katvāna añjaliṃ,  
kiṃ katvā mānuse kammaṃ sudhammaṃ upapajjati 'ti.<sup>5</sup>

981. Ucchāgāraṃ tiṇāgāraṃ vatthāgārañca yo dade,  
tiṇṇamaññataraṃ datvā sudhammaṃ upapajjati 'ti.

### Tatiyanāgavimānaṃ.

---

<sup>1</sup> antalikkhe - Ma, Syā, PTS.

<sup>2</sup> mahiyyati - Syā.

<sup>3</sup> adu - Ma; ādū - Syā.

<sup>4</sup> deva sudhamma - Syā.

<sup>5</sup> upapajjasi ti - Syā.

## 5. 12.

977. “Vị nào, với phương tiện di chuyển của cõi Trời, với con voi toàn thân màu trắng, có âm thanh vang vang đã được vỗ lên từ các loại nhạc cụ, được tôn vinh ở trên không trung?”

978. Phải chăng ngài là Thiên nhân, là nhạc sĩ Thiên đình, hay là (Chúa Trời) Sakka, người đã bố thí trước đây? Trong khi không biết, chúng tôi xin hỏi ngài, làm thế nào chúng tôi có thể nhận biết ngài?”

979. “Ta không là Thiên nhân, không là nhạc sĩ Thiên đình, cũng không là (Chúa Trời) Sakka, người đã bố thí trước đây; những Thiên nhân nào có tên là *Sudhammā*,<sup>1</sup> ta là một trong số các vị ấy.”

980. “Chúng tôi nghiêm trang chấp tay hỏi vị Thiên nhân *Sudhammā*, sau khi thực hiện nghiệp gì ở cõi người thì được sanh lên (Thiên cung) *Sudhammā*?”

981. “Người nào bố thí ngôi nhà mía, ngôi nhà cỏ, và ngôi nhà vải, sau khi bố thí một trong ba việc này thì được sanh lên (Thiên cung) *Sudhammā*.”

### Thiên Cung Long Tượng thứ ba.

---

<sup>1</sup> *Sudhammā*: tên gọi của một hạng Thiên nhân thuộc cõi Trời Đạo Lợi. Sở dĩ vị ấy trả lời “*namhi devo* = ta không là Thiên nhân” như ở trên nhằm để phù hợp với hình thức của câu hỏi (VvA. 258.)